

Bản án số: 04/2018/KDTM-ST

Ngày: 29-6-2018

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trình Quốc Toàn;

Bà Huỳnh Thị Thanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới – Thư ký tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa: ông Phạm Hoàng Phong.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2018/TLST-KDTM ngày 19 tháng 3 năm 2018 “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) C. Trụ sở chính: số 108, Trần H Đ, Quận H, Thành phố H. Đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Hoàng T – chức vụ: Trưởng phòng Phòng giao dịch T, Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) C, Chi nhánh C theo văn bản ủy quyền số 441/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 15 tháng 6 năm 2016, Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1980; Bà Huỳnh Thúy L, sinh năm 1983. HKTT: tổ 3, khóm H, thị trấn N, huyện T, tỉnh A. Nơi ở hiện nay: số 115, tổ 3, khóm S, thị trấn N, huyện T, tỉnh A, Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Ngọc D1, sinh năm 1954; Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1959. Cùng địa chỉ: tổ 3, khóm H, thị trấn N, huyện T, tỉnh A, Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 01/3/2018 và quá trình giải quyết vụ án cũng

nếu tại phiên tòa hôm nay đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) C trình bày:

Theo hợp đồng tín dụng số 11/2017-HĐTDHM/NHCT742 – TB ngày 17/01/2017 thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất thả nổi theo từng thời kỳ là 9,5%/năm (từ 17/01/2017 đến nay). Ngày 28 tháng 6 năm 2018 ông D, bà L có trả vốn được 100.000.000 đồng đến nay ông D, bà L còn nợ gốc và tiền lãi là 750.180.617 đồng, (trong đó nợ gốc là 696.412.179 đồng, nợ lãi là 38.806.683 đồng và lãi phạt là 14.961.755 đồng tiền lãi tính đến ngày 29/6/2018);

Thực hiện nghĩa vụ bảo đảm theo đó ông Nguyễn Ngọc D1 và bà Nguyễn Thị Th ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 04/2016/HĐTC-TB ký ngày 11/01/2016; hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 04-01/HĐSĐBS/HĐTC-TB ký ngày 01/02/2016; hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 04-02/HĐSĐBS/HĐTC-TB ký ngày 31/03/2016 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 46/2016/HĐTC-TB ngày 31/3/2016 được chứng thực và có đăng ký bảo đảm.

Yêu cầu ông D, bà L trả ngay tiền vay nợ gốc và tiền lãi là 750.180.617 đồng (trong đó nợ gốc là 696.412.179 đồng, nợ lãi là 38.806.683 đồng và lãi phạt là 14.961.755 đồng tiền lãi tính đến ngày 29/6/2018) tiếp tục tính lãi suất phát sinh từ ngày 30/6/2018 theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ gốc và duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo thi hành án.

- Trong quá trình giải quyết vụ án ông D, bà L có ý kiến trình bày sau:

Thông nhất với trình bày của đại diện Ngân hàng và thừa nhận còn nợ tổng cộng tiền vốn và lãi 841.043.228 đồng (tám trăm bốn mươi mốt triệu, lẻ bốn mươi ba ngàn, hai hai tám đồng) tính đến ngày 31/5/2018 (trong đó: số tiền vốn gốc 796.412.179 đồng và tiền lãi trong hạn là 32.738.307 đồng và nợ lãi quá hạn là 11.892.742 đồng). Xin hẹn đến ngày 16/7/2018 tôi sẽ thanh toán dứt điểm cả tiền vốn và lãi cho ngân hàng.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Ngày 17/01/2017 con tôi là Nguyễn Ngọc D và Huỳnh Thúy L có đến Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh C để vay số tiền 800.000.000 đồng thể hiện bằng hợp đồng tín dụng số 11/2017-HĐTDHM/NHCT742-TB, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất thả nổi theo từng thời kỳ là 9,5%/năm (từ 17/01/2017 đến nay), hợp đồng tín dụng do Huỳnh Thúy L và Nguyễn Ngọc D ký tên.

Tôi và chồng (Nguyễn Ngọc D1) có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 04/2016/HĐTC-TB ký ngày

11/01/2016; hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 04-01/HĐSDDBS/HĐTC-TB ký ngày 01/02/2016; hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 04-02/HĐSDDBS/HĐTC-TB ký ngày 31/03/2016 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 46/2016/HĐTC-TB ngày 31/3/2016 để làm tài sản bảo đảm cho con tôi vay tiền tại ngân hàng TMCP C – Chi nhánh C.

Đồng ý duy trì hợp đồng thế chấp tài sản do tôi Nguyễn Thị Th và chồng tôi Nguyễn Ngọc D1 ký kết với Ngân hàng để đảm bảo thu hồi nợ cho ngân hàng TMCP C – Chi nhánh C.

- Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc D1 đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý, thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ hòa giải và triệu tập, nhưng ông D1 vắng mặt, nên Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Ngày 20-6-2018 Tòa án mở phiên tòa xét xử và đã triệu tập hợp lệ các đương sự nhưng ông D1 vắng mặt không có lý do nên Tòa án hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: xét thấy hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp được các bên ký kết trên cơ sở tự thỏa thuận và tuân thủ pháp luật về công chứng, chứng thực. Từ đó, đã phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên. Quá trình vay bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ, nên yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận và tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại

phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ Điều khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc D, bà Huỳnh Thúy L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc D1, bà Nguyễn Thị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, Ngân hàng Thương mại cổ phần C (gọi tắt là Ngân hàng) ký Hợp đồng tín dụng, cho ông D, bà L vay tiền với mục đích là kinh doanh dịch vụ ăn uống và bách hóa tổng hợp, có chứng nhận đăng ký kinh doanh số 52G8005284 đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 02 tháng 3 năm 2016 tên hộ kinh doanh Huỳnh Thúy L. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét hợp đồng tín dụng số 11/2017/HĐTDHM/NHCT 742 - TB ngày 17/01/2017 và hợp đồng thế chấp số 04/2016/HĐTC - TB ngày 11/01/2016 và hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp 04-01/HĐSĐBS/HĐTC-TB ngày 01/02/2016 và hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp 04-02/HĐSĐBS/HĐTC-TB ngày 31/03/2016; hợp đồng thế chấp số 46/2016/HĐTC - TB ngày 31/03/2016 được xác lập trên cơ sở tự nguyện và tự thỏa thuận của các bên. Về hình thức hợp đồng đều tuân thủ đúng quy định pháp luật về chứng thực và có đăng ký biện pháp bảo đảm, về nội dung phù hợp theo quy định Điều 11 và Điều 13 Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước “Về việc ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng” và lãi suất áp dụng phù hợp theo quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng 2010, nên có cơ sở công nhận hợp đồng này là hợp pháp. Vì vậy, sau khi hợp đồng ký kết đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Theo bảng kê tính lãi do đại diện Ngân hàng xuất trình tại phiên tòa, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29 tháng 6 năm 2018) ông Nguyễn Ngọc D và bà Huỳnh Thúy L còn nợ tổng cộng số tiền 750.180.617 đồng, trong đó nợ gốc là 696.412.179 đồng, nợ lãi 38.806.683 đồng và lãi phạt 14.961.755 đồng. Việc tính lãi của Ngân hàng phù hợp với hợp đồng tín dụng số 11/2017/HĐTDHM/NHCT 742 - TB ngày 17/01/2017 được ký kết giữa các bên. Do ông D, bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến hạn, nên Ngân hàng yêu cầu trả vốn và lãi theo hợp đồng tín dụng số 11/2017/HĐTDHM/NHCT 742 - TB ngày 17/01/2017 là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại khoản 1

Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 24, 25 Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước.

Do đó, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông D, bà L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP C trả nợ gốc 696.412.179 đồng, nợ lãi là 38.806.683 đồng và lãi phạt là 14.961.755 đồng (tiền lãi tính đến ngày 29/6/2018), tổng vốn và lãi 750.180.617 đồng.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số 04/2016/HĐTC – TB ngày 11/01/2016 và hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp 04-01/HĐSĐBS/HĐTC-TB ngày 01/02/2016 và hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp 04-02/HĐSĐBS/HĐTC-TB ngày 31/03/2016; hợp đồng thế chấp số 46/2016/HĐTC – TB ngày 31/03/2016 để đảm bảo thi hành án.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Nguyên đơn không phải chịu án phí. Được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 147, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc D và bà Huỳnh Thúy L.

- Buộc ông Nguyễn Ngọc D và bà Huỳnh Thúy L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) C, tổng cộng số tiền 750.180.617 đồng (bảy trăm năm mươi triệu, một trăm tám mươi ngàn, sáu trăm mười bảy đồng), trong đó nợ gốc 696.412.179 đồng, nợ lãi 38.806.683 đồng và lãi phạt 14.961.755 đồng, tính đến ngày 29/6/2018 và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/6/2018 trên số nợ gốc theo mức lãi suất được ghi trong hợp đồng tín dụng số 11/2017/HĐTDHM/NHCT 742 - TB ngày 17/01/2017 cho đến khi trả dứt nợ.

- Duyệt hợp đồng thế chấp số 04/2016/HĐTC – TB ngày 11/01/2016 và hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp 04-01/HĐSĐBS/HĐTC-TB ngày 01/02/2016 và hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp 04-02/HĐSĐBS/HĐTC-TB ngày 31/03/2016; hợp đồng thế chấp số 46/2016/HĐTC – TB ngày 31/03/2016 để đảm bảo thi hành án.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc D và bà Huỳnh Thúy L phải chịu 34.007.000 đồng (ba mươi bốn triệu, lẻ bảy ngàn đồng) tiền án phí. Ngân hàng TMCP C được nhận lại tiền tạm ứng án phí 18.197.000 đồng (mười tám triệu, một trăm chín mươi bảy ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số TU/2016/0004066 ngày 19 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tịnh Biên.

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h.Tịnh Biên;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Lưu HS & VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Mỹ